

Số: **1615** /QĐ - UBND

Hà Nội, ngày **08** tháng **4** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Cho phép đổi tên từ Hội Công chứng thành phố Hà Nội
thành Hội Công chứng viên thành phố Hà Nội và phê duyệt Điều lệ
Hội Công chứng viên thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ; Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Công chứng viên thành phố Hà Nội và đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Văn bản số 3652/STP-BTTP ngày 04 tháng 12 năm 2015 về việc đề nghị đổi tên từ Hội Công chứng thành phố Hà Nội thành Hội Công chứng viên thành phố Hà Nội và phê duyệt Điều lệ Hội Công chứng viên thành phố Hà Nội ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 524 /TTr - SNV ngày 11 tháng 3 năm 2016 về việc đề nghị đổi tên từ Hội Công chứng thành phố Hà Nội thành Hội Công chứng viên thành phố Hà Nội và phê duyệt Điều lệ Hội Công chứng viên thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép đổi tên từ Hội Công chứng thành phố Hà Nội thành Hội Công chứng viên thành phố Hà Nội.

Điều 2. Phê duyệt Điều lệ Hội Công chứng viên thành phố Hà Nội do Đại hội Hội Công chứng viên thành phố Hà Nội thông qua ngày 26 tháng 9 năm 2015.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Hội Công chứng viên thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT UBND Thành phố;
- PCT UBND TP Lê Hồng Sơn;
- Công an thành phố;
- VP UBND TP: PCVP Phạm Chí Công,
NC, TH, VX; **TL**
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Sơn

ĐIỀU LỆ

Hội Công chứng viên thành phố Hà Nội

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2016
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi của Hội

1. Tên tiếng Việt: Hội công chứng viên thành phố Hà Nội
2. Tên giao dịch quốc tế: Hanoi Notary Association
3. Tên viết tắt: HANA
4. Biểu tượng: Hội được chọn biểu tượng riêng theo quy định của Pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Công chứng viên thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Hội) là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp của các công chứng viên đang hành nghề công chứng tại thành phố Hà Nội, được thành lập và hoạt động nhằm tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các công chứng viên là hội viên của Hội, duy trì sự ổn định, phát triển hoạt động công chứng tại thành phố Hà Nội; xây dựng các giá trị chuẩn mực của công chứng Thủ đô, phát triển đội ngũ công chứng viên có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn giỏi, tinh thần trách nhiệm cao, đáp ứng nhu cầu công chứng của xã hội và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Hà Nội, thiết thực góp phần vào công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

Điều 3. Lĩnh vực và phạm vi hoạt động của Hội

1. Hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội.
2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Sở Tư pháp và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại: Số 310 phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Hội.

1. Tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự đảm bảo kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận

5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ Hội và các quy định khác có liên quan đến lĩnh vực công chứng.

Chương II **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ**

Điều 6. Nhiệm vụ của Hội

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội. Tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, xây dựng Hội ngày càng vững mạnh, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Xây dựng phương hướng, chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội và tổ chức thực hiện.

4. Liên kết các hội viên để hợp tác trong hoạt động công chứng tạo thành mạng lưới bền vững, hỗ trợ và đảm bảo việc hành nghề công chứng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích của người yêu cầu công chứng.

5. Xây dựng và nâng cao thương hiệu, uy tín của Hội và hội viên, thông qua các hoạt động tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác.

6. Trao đổi kinh nghiệm hành nghề công chứng, thông tin giữa các hội viên. Đại diện hội viên để tham gia, kiến nghị với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

7. Hàng năm, chủ động phối hợp với Sở Tư pháp trong việc bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ công chứng, đạo đức hành nghề cho hội viên. Tham gia ý kiến với Sở Tư pháp trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm công chứng viên, thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng, chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng theo quy định của Luật công chứng và các quy định pháp luật có liên quan

8. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng Quy chế tài chính của Hội và quy định của pháp luật.

9. Hỗ trợ hội viên thông qua các hình thức:

a) Tạo điều kiện trong việc chuyển giao công nghệ thông tin tiên tiến để sử dụng trong hành nghề công chứng;

b) Cung cấp các thông tin về chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến nghề công chứng cho hội viên.

10. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên trong hành nghề theo qui định của Điều lệ Hội và theo qui định của pháp luật. Hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các hội viên.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 7. Quyền hạn của Hội

1. Tuyên truyền mục đích của Hội
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Kết nạp, khai trừ và xóa tên hội viên, khen thưởng, xử lý kỷ luật hội viên; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Điều lệ Hội.
5. Giám sát hội viên trong việc tuân thủ quy định của pháp luật về công chứng, Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng, Điều lệ Hội.
6. Được quyền đàm phán, ký kết các thỏa thuận hợp tác với cơ quan, đơn vị, tổ chức trong và ngoài nước liên quan đến phạm vi, lĩnh vực hoạt động của Hội, phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Hội; tham gia và tổ chức các sự kiện, các hội nghị, hội thảo trong lĩnh vực công chứng đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành.
7. Đại diện cho hội viên trong việc tham mưu và đề xuất, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến phương hướng, chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội; tham gia các cuộc họp, hội nghị, hội thảo do các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi Chính phủ trong nước và quốc tế tổ chức khi được mời.
8. Tham gia các hoạt động hợp tác về công chứng ở trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật.
9. Được cung cấp thông tin, tài liệu và ấn phẩm hợp pháp về cơ chế, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.
10. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
Khi có nhu cầu và đủ điều kiện thành lập pháp nhân thuộc Hội hoạt động trong những lĩnh vực phù hợp với Điều lệ Hội mà pháp luật đã quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép kinh doanh thì Hội quyết định thành lập pháp nhân và có hồ sơ báo cáo theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp.
11. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan tới sự phát triển của Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
12. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội
13. Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.
14. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí, các nguồn tài trợ và các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

Điều 8. Nghĩa vụ của Hội

1. Trước khi tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường 30 (ba mươi) ngày, Ban chấp hành Hội phải có văn bản báo cáo với UBND thành phố, Bộ Tư pháp, đồng kính gửi Sở Nội vụ, Sở Tư pháp.

2. Hàng năm, thực hiện chế độ báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với UBND thành phố, Bộ Tư pháp, đồng kính gửi Sở Nội vụ, Sở Tư pháp và các sở, ban, ngành liên quan, đảm bảo thời gian, chất lượng và báo cáo công khai trong hội nghị thường niên của Hội.

3. Báo cáo với cơ quan chức năng của thành phố về việc thực hiện tiếp nhận, sử dụng nguồn kinh phí tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

4. Chấp hành sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước, sự kiểm tra của Tổ chức xã hội-nghề nghiệp toàn quốc của công chứng viên

5. Thực hiện nghị quyết, quyết định, quy định của Tổ chức xã hội-nghề nghiệp toàn quốc của công chứng viên và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

6. Thực hiện quy định của pháp luật về công tác văn thư lưu trữ, bao gồm:

a) Lập hồ sơ danh sách hội viên, các đơn vị trực thuộc Hội, trong đó ghi rõ tên, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ của hội viên; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội, các tài liệu liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội, sổ ghi biên bản các cuộc họp của Ban chấp hành, Ban thường vụ phải được lưu giữ thường xuyên tại trụ sở của Hội.

b) Lưu giữ và hủy tài liệu hồ sơ đã hết thời hạn, đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 9. Hội viên, tiêu chuẩn của hội viên

1. Hội viên của Hội gồm: Hội viên chính thức và hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên:

a) Hội viên chính thức là các công chứng viên Việt Nam đang hành nghề công chứng hợp pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội có tên trong danh sách hội viên của Hội.

b) Hội viên danh dự là các công chứng viên Việt Nam đã thôi hành nghề công chứng, các cá nhân khác có công lao lớn trong sự nghiệp xây dựng, phát triển nghề công chứng ở Hà Nội, ở Việt Nam; có uy tín rộng rãi trong giới công chứng Hà Nội và cả nước, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội được Hội công nhận là hội viên danh dự.

Điều 10. Quyền của hội viên chính thức

1. Được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

2. Được thảo luận, biểu quyết các chương trình và kế hoạch hoạt động của Hội; được kiến nghị, đề đạt ý kiến về hoạt động nghề nghiệp của mình với các cơ quan có thẩm quyền thông qua Hội.

3. Hội viên chính thức được ứng cử, đề cử và bầu cử vào Ban chấp hành và các chức vụ khác của Hội.

4. Được Hội phổ biến kinh nghiệm, bồi dưỡng nghề nghiệp, nâng cao trình độ thông qua các hình thức cung cấp thông tin, tài liệu, tham dự hội thảo, các lớp đào tạo, huấn luyện, tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm liên quan đến hoạt động của Hội.

5. Được nhận thông tin, ấn phẩm hợp pháp theo định kỳ do Hội cung cấp và các thông tin chuyên đề khác theo yêu cầu hợp pháp của hội viên.

6. Được hỗ trợ, giúp đỡ trong việc ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong hoạt động công chứng.

7. Được Hội giúp đỡ, hỗ trợ trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến hoạt động nghề nghiệp trong phạm vi khả năng, quyền hạn của Hội; được hưởng sự trợ giúp của các tổ chức, cá nhân đối với Hội.

8. Được Hội xem xét, hỗ trợ khi gặp khó khăn, rủi ro; được khen thưởng về những thành tích xuất sắc trong đóng góp, xây dựng Hội.

Điều 11. Nghĩa vụ của hội viên chính thức

1. Tuân thủ Điều lệ, nghị quyết, quy chế, quy định của Hội, tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động và sinh hoạt của Hội, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; giữ gìn và bảo vệ uy tín của Hội.

2. Tham gia đóng góp ý kiến đối với các vấn đề, kế hoạch, chương trình hoạt động và các biện pháp tổ chức thực hiện; các vấn đề về nhân sự của Hội để xây dựng Hội ngày càng phát triển, vững mạnh.

3. Luôn coi trọng và gìn giữ sự đoàn kết, thống nhất trong Hội trên tinh thần thẳng thắn, trung thực và bình đẳng vì quyền lợi tập thể. Khiêm tốn và thường xuyên tự trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Không được lợi dụng danh nghĩa của Hội để tiến hành các hoạt động trái với tôn chỉ, mục đích của Hội gây tổn thất cho hội viên khác và uy tín của Hội. Hội viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hành vi vi phạm của mình.

5. Hội viên có trách nhiệm tích cực tuyên truyền, quảng bá sâu rộng về vai trò Hội nhằm tăng cường sự trao đổi thông tin trong nội bộ và sự gắn kết với xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động công chứng phát huy được hiệu quả.

6. Cung cấp cho Ban chấp hành (khi thấy cần thiết) những thông tin có liên quan đến hoạt động của Hội.

7. Nộp các loại phí đầy đủ và đúng kỳ hạn theo quy định của Hội.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của hội viên danh dự

1. Hội viên danh dự được Hội thông tin các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Hội; được mời tham dự đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường, hội nghị thường niên; được quyền phát biểu ý kiến tham gia thảo luận trong đại hội, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và không được ứng cử, bầu cử vào Ban chấp hành và các Ban, Tiểu ban thuộc tổ chức Hội.

2. Không được lợi dụng danh nghĩa của Hội để tiến hành các hoạt động trái với tôn chỉ, mục đích của Hội gây tổn thất cho hội viên khác và uy tín của Hội.

3. Có trách nhiệm tích cực tuyên truyền, quảng bá sâu rộng về vai trò của Hội.

4. Cung cấp cho Ban chấp hành Hội (khi thấy cần thiết) những thông tin có liên quan đến hoạt động của Hội.

Điều 13. Thẻ thức vào Hội.

1. Công chứng viên được phép hành nghề tại Hà Nội, tán thành Điều lệ Hội được trở thành hội viên chính thức của Hội.

2. Công chứng viên có đầy đủ tư cách hội viên kể từ thời điểm có quyết định kết nạp hội viên.

3. Công chứng viên Việt Nam đang bị thi hành kỷ luật hoặc đã có quyết định miễn nhiệm công chứng viên thì không được gia nhập Hội.

Điều 14. Chấm dứt tư cách hội viên.

Tư cách hội viên sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

1. Hội viên được miễn nhiệm hoặc bị miễn nhiệm công chứng viên theo quy định của pháp luật.

2. Có quyết định của Hội về việc bị tạm đình chỉ tư cách hội viên.

3. Bị khai trừ khỏi Hội.

3. Không đóng hội phí hàng năm theo quy định.

4. Có Văn bản về việc chuyển nơi hành nghề ra khỏi thành phố Hà Nội hoặc xin thôi tư cách hội viên (*riêng đối với hội viên danh dự*)

5. Hội có Quyết định và thông báo đến toàn thể hội viên về việc chấm dứt tư cách hội viên.

Chương IV

TỔ CHỨC HỘI

Điều 15. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội toàn thể hội viên hoặc Đại hội đại biểu.

2. Ban chấp hành Hội (gồm Chủ tịch, các Phó chủ tịch và các uỷ viên)

3. Ban Thường vụ gồm chủ tịch và các phó chủ tịch

4. Ban kiểm tra

4. Hội đồng khen thưởng, kỷ luật

5. Văn phòng Hội và các Tiểu ban trực thuộc Hội.

Điều 16. Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường, hội nghị thường niên.

1. Đại hội nhiệm kỳ (Đại hội toàn thể công chứng viên) là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội, do Ban chấp hành triệu tập. Nhiệm kỳ đại hội là 3 (ba) năm 1 lần.

2. Đại hội bất thường (Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu) do Ban chấp hành triệu tập theo đề nghị của ít nhất 2/3 uỷ viên Ban chấp hành hoặc ít nhất trên 1/2 hội viên chính thức đề nghị. Đại Hội được tiến hành để giải quyết những vấn đề cấp bách về tổ chức, hoạt động của Hội hoặc những vấn đề quan trọng khác vượt quá thẩm quyền của Ban chấp hành.

Đại hội bất thường được tổ chức với sự có mặt của toàn thể công chứng viên hay đại biểu công chứng viên do Ban chấp hành căn cứ tình hình thực tế để quyết định.

3. Hội nghị thường niên được tổ chức 12 tháng (mười hai) tháng một lần để tổng kết, đánh giá hoạt động của Hội trong năm.

4. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu chỉ được phép tiến hành và được coi là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

5. Nhiệm vụ của Đại hội.

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội.

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có).

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban chấp hành và báo cáo tài chính của Hội.

d) Bầu Ban chấp hành, Ban kiểm tra, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật; cử đại biểu tham dự Đại hội cấp trên (nếu có).

đ) Thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng về tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ, quyền hạn hoạt động của Hội; thảo luận, thông qua quyết toán tài chính nhiệm kỳ.

6. Nguyên tắc hoạt động tại Đại hội.

a) Về triệu tập Đại hội:

- Khi triệu tập Đại hội nhiệm kỳ, Ban chấp hành phải công bố chương trình nghị sự ít nhất 30 (ba mươi) ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức Đại hội;

- Khi triệu tập Đại hội bất thường, Ban chấp hành phải công bố chương trình nghị sự của Đại hội bất thường ít nhất 15 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức Đại hội.

b) Về biểu quyết:

- Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

- Việc biểu quyết thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành;

- Trường hợp không thể đến dự Đại hội, đại biểu được quyền biểu quyết thông qua hình thức gửi ý kiến tham gia bằng văn bản và có giá trị như đại biểu có mặt tại Đại hội. Cách thức, điều kiện, nội dung thông tin gửi xin ý kiến đối với đại biểu vắng mặt do Ban chấp hành Hội quy định để đảm bảo tính khách quan, trung thực, đầy đủ.

Điều 17. Ban Chấp hành Hội.

1. Ban chấp hành

Ban chấp hành là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai nhiệm kỳ và do Đại hội nhiệm kỳ bầu trong số các hội viên chính thức của Hội; số lượng uỷ viên Ban chấp hành do Đại hội quyết định căn cứ vào số lượng hội viên và yêu cầu hoạt động của Hội. Nhiệm kỳ của Ban chấp hành là 03 (ba) năm.

2. Nhiệm vụ của Ban chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội.

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội:

- Quyết định chương trình, kế hoạch công tác và việc sử dụng kinh phí hàng năm của Hội; quy định mức phí gia nhập Hội, hội phí và cách thu phí;

- Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội, thành lập các tiểu ban thuộc Hội theo thẩm quyền;

- Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, uỷ viên Ban Thường vụ trong số các uỷ viên Ban chấp hành. Trong quá trình hoạt động, nếu số lượng uỷ viên Ban chấp hành không còn đủ như quy định của Hội thì Ban chấp hành có thể bầu bổ sung số lượng uỷ viên thiếu trong số các hội viên chính thức của Hội;

- Ban hành Quy chế hoạt động của Ban chấp hành, Ban Thường vụ, Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội, Quy chế khen thưởng, kỷ luật và các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

- Xét và quyết định việc kết nạp hội viên;

- Xét khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ hoặc khai trừ, xoá tên trong danh sách hội viên đối với hội viên; giải quyết kiến nghị, khiếu nại của hội viên.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban chấp hành

- Ban chấp hành họp thường kỳ 03 (ba) tháng một lần. Tại mỗi kỳ họp, Ban chấp hành xem xét, đánh giá tình hình hoạt động của Hội; thảo luận và quyết định các giải pháp để thực hiện các nghị quyết, quyết định và kế hoạch công tác của Hội. Khi cần thiết, Chủ tịch Hội có thể triệu tập Ban chấp hành họp bất thường theo đề nghị của Ban thường vụ hoặc đề nghị của ít nhất 2/3 số ủy viên Ban chấp hành;

- Cuộc họp của Ban chấp hành được xem là họp lệ khi có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban chấp hành tham dự. Biểu quyết trong Ban chấp hành theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số; trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban chấp hành quyết định;

- Việc biểu quyết theo nguyên tắc quá bán trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên có mặt. Riêng đối với các vấn đề quan trọng sau đây, phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban chấp hành có mặt thông qua:

- + Miễn nhiệm thành viên Ban chấp hành.
- + Các vấn đề liên quan đến kỷ luật hội viên.
- + Các vấn đề về tổ chức của Hội.

Điều 18. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ do Ban chấp hành bầu, gồm : Chủ tịch, các phó chủ tịch. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban thường vụ do Ban chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban chấp hành; lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp của Ban chấp hành.

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập cuộc họp Ban chấp hành.

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo đối với các tổ chức, đơn vị do Hội tổ chức.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ

a) Ban thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban chấp hành ban hành, tuân thủ pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban thường vụ họp mỗi tháng 01 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch hoặc trên 2/3 tổng số ủy viên Ban thường vụ.

c) Các cuộc họp của Ban thường vụ là họp lệ khi có từ 2/3 số ủy viên Ban thường vụ tham dự. Ban thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban thường vụ quyết định.

d) Các Nghị quyết, quyết định của Ban thường vụ được thông qua khi có trên 50% tổng số ủy viên Ban thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 19. Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban chấp hành bầu ra trong số các ủy viên Ban chấp hành, Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban chấp hành, Ban thường vụ Hội.

b) Chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban chấp hành, Ban thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội, nghị quyết, quyết định của Ban chấp hành, Ban thường vụ Hội.

c) Chủ trì các phiên họp của Ban chấp hành, Ban thường vụ.

d) Thay mặt Ban chấp hành, Ban thường vụ ký các văn bản của Hội.

đ) Khi Chủ tịch vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó chủ tịch Hội.

Điều 20. Phó Chủ tịch Hội

1. Phó Chủ tịch Hội do Ban chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban chấp hành. Tiêu chuẩn phó Chủ tịch do Ban chấp hành quy định.

2. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công chủ Chủ tịch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban chấp hành, Ban thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 21. Ban Kiểm tra.

1. Ban kiểm tra do Đại hội bầu trong số hội viên chính thức, có 05 thành viên, gồm: Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban kiểm tra cùng nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm tra.

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật về công chứng và các quy định của pháp luật có liên quan, Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng, Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội, nghị quyết, quyết định của Ban chấp hành, Ban thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức hành nghề công chứng, đơn vị trực thuộc Hội và hội viên.

b) Kiểm tra tư cách hội viên; tham gia đoàn kiểm tra của Hội, đoàn kiểm tra, thanh tra liên ngành về hoạt động công chứng trên địa bàn Hà Nội.

c) Kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội.

d) Phối hợp với Hội đồng khen thưởng, kỷ luật để xem xét, giải quyết khiếu nại tố cáo của hội viên và các cá nhân, tổ chức khác gửi đến Hội.

đ) Báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra trong Đại hội và các kỳ họp của Ban chấp hành.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm tra

Ban kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 22. Hội đồng khen thưởng, kỷ luật

1. Hội đồng khen thưởng, kỷ luật do Đại hội bầu trong số hội viên chính thức, có 05 thành viên, gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 03 ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Hội đồng khen thưởng, kỷ luật do Đại hội quyết định. Chủ tịch Hội đồng khen thưởng, kỷ luật là ủy viên Ban chấp hành. Hội đồng khen thưởng, kỷ luật có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật:

a) Tổ chức, triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua. Phổ biến, quán triệt đến toàn thể hội viên các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Hội và các quy chế hoạt động của các cơ quan của Hội liên quan đến công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật.

b) Tổng kết phong trào thi đua; đề xuất với Ban chấp hành về kế hoạch tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua, xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến.

c) Xây dựng quy chế khen thưởng, kỷ luật trình Ban chấp hành ban hành.

d) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật của các tổ chức hành nghề công chứng.

đ) Xét, chọn các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc qua các phong trào thi đua để đề nghị Ban chấp hành quyết định các hình thức khen thưởng. Đề xuất hình thức khen thưởng của Nhà nước đối với Hội, tổ chức hành nghề công chứng, hội viên.

e) Là đầu mối tiếp nhận khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động công chứng. Phối hợp với các tiểu ban khác giải quyết khiếu nại, tố cáo của hội viên và cá nhân tổ chức khác có liên quan đến hoạt động công chứng.

g) Hội đồng khen thưởng, kỷ luật xem xét và trình Ban chấp hành áp dụng một trong các hình thức kỷ luật sau đây đối với hội viên:

- Phê bình, nhắc nhở;
- Khiển trách;
- Cảnh cáo;
- Tạm đình chỉ tư cách hội viên từ 6 tháng đến 12 tháng;
- Khai trừ hội viên;
- Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Các pháp nhân trực thuộc Hội.

1. Hội được thành lập các pháp nhân trực thuộc hoạt động trong lĩnh vực phù hợp với Điều lệ Hội và tuân thủ quy định pháp luật. Pháp nhân có con dấu riêng, chịu sự quản lý trực tiếp của Hội. Ủy ban nhân dân thành phố có quyền yêu cầu Hội ra quyết định giải thể pháp nhân đó và đề nghị Công an thành phố thu hồi con dấu khi pháp nhân hoạt động trái pháp luật.

2. Hội được thành lập Chi hội. Chi hội là tổ chức cơ sở trực thuộc Hội, không có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng.

Điều 24: Văn phòng Hội và các Tiểu ban thuộc Hội

Hội được tổ chức các tiểu ban trực thuộc Hội. Mỗi tiểu ban gồm : 01 Phó Chủ tịch Hội là Trưởng tiểu ban, 01 Phó Trưởng tiểu ban (nếu có) và các ủy viên do Ban chấp hành Hội bầu trong số các ủy viên Ban chấp hành và hội viên chính thức.

1. Văn phòng Hội và Tiểu ban thư ký

a) Văn phòng Hội và Tiểu ban thư ký là cơ quan giúp việc cho Ban chấp hành, Chủ tịch Hội; chịu sự điều hành và quản lý thường xuyên của Phó chủ tịch phụ trách công tác văn phòng.

b) Cơ cấu nhân sự của Văn phòng Hội và Tiểu ban thư ký có một Phó chủ tịch kiêm Chánh văn phòng Hội và 03 cán bộ hành chính - quản trị, thư ký.

c) Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội và Tiểu ban thư ký:

- Thường trực giải quyết các công việc của Hội theo chỉ đạo của Chủ tịch và sự phân công của Phó chủ tịch phụ trách Văn phòng; chịu trách nhiệm trước Hội, Chủ tịch Hội, Ban chấp hành và trước pháp luật về mọi hoạt động của Văn phòng Hội;

- Xây dựng Quy chế hoạt động của Văn phòng, quy chế quản lý tài sản của Hội trình Ban chấp hành ban hành;

- Tổng hợp và báo cáo tại các kỳ họp của Ban chấp hành, Ban thường vụ về kết quả các hoạt động của Văn phòng và của Hội; tham mưu giúp Ban Chấp hành lập báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ;

- Quản lý hồ sơ, tài liệu của Hội và các tổ chức trực thuộc Hội;

- Chuẩn bị các cuộc họp của Ban thường vụ, Ban chấp hành, các hội nghị, hội thảo do Hội tổ chức và tổ chức triển khai các hoạt động khác theo nghị quyết, quyết định của Ban chấp hành;

- Thực hiện chức năng đối ngoại của Hội;

- Thực hiện các công việc khác theo phân công của chủ tịch Hội.

2. Tiểu ban chuyên môn

a) Tiểu ban chuyên môn là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban chấp hành, Ban thường vụ về các vấn đề có liên quan đến pháp lý, chuyên môn, nghiệp vụ công chứng. Tiểu ban chuyên môn do một Phó chủ tịch Hội kiêm Trưởng tiểu ban và 04 thành viên là hội viên chính thức.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Tiểu ban chuyên môn

- Tư vấn cho Ban chấp hành, Ban thường vụ và hội viên trong các hoạt động của Hội về tổ chức hội thảo, định hướng chuyên môn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học theo định kỳ hoặc đột xuất;

- Tham gia các hội nghị, hội thảo về xây dựng văn bản qui phạm pháp luật do các bộ, ngành tổ chức; đóng góp ý kiến trực tiếp hoặc bằng văn bản đối với các dự thảo văn bản qui phạm pháp luật;

- Tiếp nhận và giải đáp kịp thời những vướng mắc về nghiệp vụ công chứng cho các hội viên;

- Tổng hợp những vướng mắc, bất cập trong hoạt động chuyên môn của các tổ chức hành nghề công chứng và hội viên trình Ban chấp hành và đề ra hướng giải quyết hoặc kiến nghị các cơ quan chức năng giải quyết;

- Xây dựng kế hoạch hàng năm về việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn nghiệp vụ cho hội viên;

- Tham gia đoàn kiểm tra của Hội, đoàn kiểm tra, thanh tra liên ngành về hoạt động công chứng trên địa bàn thành phố khi được yêu cầu.

3. Tiểu ban công tác hội viên

a) Tiểu ban công tác hội viên là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban chấp hành, Ban thường vụ. Cơ cấu tổ chức gồm: 01 Phó Chủ tịch là Trưởng tiểu ban và 04 thành viên là hội viên chính thức.

- b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Tiểu ban công tác hội viên
- Theo dõi những biến động của hội viên, cập nhật danh sách hội viên mới;
 - Thực hiện việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của hội viên;
 - Chủ trì, phối hợp với Tiểu ban Chuyên môn để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho hội viên trong hành nghề công chứng;
 - Là đầu mối của Hội để thực hiện Quy chế phối hợp công tác với Sở Tư pháp Hà Nội.

4. Tiểu ban tài chính

a) Tiểu ban tài chính là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban chấp hành, Ban thường vụ, Chủ tịch Hội về các công việc có liên quan đến tài chính của Hội.

b) Cơ cấu nhân sự có một Phó chủ tịch kiêm Trưởng tiểu ban, 04 thành viên là hội viên chính thức và người làm công tác kế toán, thủ quỹ của Hội.

c) Nhiệm vụ, quyền hạn của Tiểu ban tài chính

- Xây dựng quy chế tài chính trình Ban chấp hành ban hành;
- Thực hiện mở và ghi chép các sổ sách kế toán, quỹ, hạch toán thu - chi tài chính;
- Theo dõi việc quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản của Hội theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế tài chính của Hội;
- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về việc quản lý, thu chi tài chính của Hội.

Chương V

CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 25. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, nghị quyết Đại hội và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 26. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội

a) Nguồn thu của Hội:

- Phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;

- Tiền tài trợ, ủng hộ của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thường xuyên của Ban thường vụ, các tiểu ban;

- Chi hoạt động nghiên cứu khoa học, thông tin, tuyên truyền, xuất bản;

- Chi xây dựng cơ sở hạ tầng, mua trang thiết bị làm việc; bảo trì, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị;

- Chi phụ cấp cho các chức danh lãnh đạo, quản lý và các nhân viên trong bộ máy của Hội; chi khen thưởng;

- Chi hoạt động quan hệ quốc tế;

- Chi tổ chức đại hội, các hội nghị, hội thảo;

- Chi thuê trụ sở của Hội;

- Các khoản chi hợp lý khác.

2. Tài sản của Hội

Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có)

Điều 27. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Hội hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, lấy thu bù chi.

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội theo Quy chế tài chính, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản; Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

3. Cán bộ làm công việc kế toán của Hội phải đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn để giúp Chủ tịch Hội thực hiện hoạt động quản lý tài chính, tài sản của Hội đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Chương VII

KHEN THƯỞNG – KỶ LUẬT

Điều 28. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, Chi hội, hội viên và các tổ chức, cá nhân khác có thành tích xuất sắc trong hoạt động công chứng hoặc có đóng góp cho sự nghiệp phát triển công chứng của Hà Nội thì được Hội khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 29. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức được quy định tại điểm g - khoản 2 – Điều 22 của Điều lệ này;

2. Ban thường vụ Hội có thẩm quyền xử lý kỷ luật bằng các hình thức quy định tại khoản 1 Điều này sau khi xem xét đề nghị của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật.

Riêng đối với hình thức đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo pháp luật thì Ban thường vụ phải triệu tập hội nghị bất thường của Ban chấp hành và chỉ được quyết định sau khi đã có sự nhất trí của trên một phần hai số ủy viên Ban chấp hành biểu quyết tán thành việc xử lý kỷ luật theo hình thức đó.

3. Hội viên của Hội bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khai trừ khỏi Hội trong các trường hợp sau:

- a) Bị thu hồi thẻ công chứng viên.
- b) Bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật.
- c) Vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Hội, Luật công chứng, quy tắc đạo đức hành nghề công chứng.
- d) Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức tạm đình chỉ tư cách hội viên mà trong thời hạn một năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định kỷ luật, lại có hành vi vi phạm đến mức có thể bị xem xét xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trở lên;
- đ) Một năm không đóng phí hội viên.

Điều 30. Khiếu nại, giải quyết khiếu nại trong nội bộ Hội

1. Hội viên có quyền khiếu nại quyết định kỷ luật của Hội.
2. Ban Thường vụ có thẩm quyền giải quyết lần đầu đối với khiếu nại về quyết định kỷ luật của Ban Thường vụ.
3. Trong trường hợp phát hiện việc xem xét và quyết định kỷ luật hội viên của Hội vi phạm quy định của Luật công chứng, Điều lệ Hội thì Chủ tịch Hội có quyền ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định kỷ luật đã ban hành; đồng thời, yêu cầu Hội đồng khen thưởng, kỷ luật cùng Ban thường vụ tiến hành các thủ tục xem xét lại việc kỷ luật đối với hội viên đó.
4. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại đối với quyết định hoặc hành vi không đúng của Ban chấp hành, Ban Thường vụ, Ban kiểm tra, Hội đồng khen thưởng- kỷ luật và các Tiểu ban khác khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

5. Cá nhân có quyền tố cáo với cơ quan có thẩm quyền, Hội công chứng viên về các hành vi của cá nhân, tổ chức vi phạm quy định của Luật công chứng, Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng và quy định của Điều lệ này.

6. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo tuân theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Chương VIII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội



1. Chỉ có Đại hội Hội Công chứng viên thành phố Hà Nội mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được từ trên 50% số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành và phải được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt mới có giá trị thực hiện.

2. Ban Thường vụ, Ban kiểm tra, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật và các Tiểu ban của Hội có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện bản Điều lệ này.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này gồm 8 Chương, 32 Điều, đã được Đại hội Hội Công chứng thành phố Hà Nội họp ngày 26 tháng 9 năm 2015 biểu quyết thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày có Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Căn cứ quy định của pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban chấp hành Hội Công chứng viên thành phố Hà Nội có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /.

TM. UBND THÀNH PHỐ
KT. CHỦ TỊCH 
PHÓ CHỦ TỊCH 



Lê Hồng Sơn